

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Thuế tỉnh, thành phố thuộc Cục Thuế**

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế; Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2025 và Quyết định số 2229/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định số 381/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 1528/QĐ-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phân công, phân cấp công tác tổ chức, cán bộ tại Bộ Tài chính;

Căn cứ Công văn số 9679/BTC-TCCB ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Thuế tỉnh, thành phố là đơn vị thuộc Cục Thuế, có chức năng tham mưu, giúp Cục trưởng Cục Thuế tổ chức thực hiện công tác quản lý thuế đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý theo phân công của cấp có thẩm quyền, phù hợp với quy định của Luật Quản lý thuế, các luật thuế và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Thuế tỉnh, thành phố có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và được cấp mã cơ quan quản lý thu theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện chiến lược cải cách hệ thống thuế, các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, quản lý thuế và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; quy trình nghiệp vụ quản lý thuế do Bộ Tài chính, Cục Thuế ban hành; tổng kết, đánh giá, kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách thuế, chính sách quản lý thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước; tổng hợp, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cải cách quản lý thuế.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Thuế tỉnh, thành phố: đăng ký thuế, khai thuế, tính thuế, thông báo thuế, nộp thuế, hoàn thuế, khấu trừ thuế, miễn thuế, giảm thuế; quản lý nghĩa vụ người nộp thuế; đăng ký, sử dụng và tiếp nhận dữ liệu hóa đơn, chứng từ, cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế; quản lý nợ thuế; gia hạn nộp thuế; khoan tiền thuế nợ; xóa tiền nợ thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp; nộp dần tiền thuế nợ; miễn tiền chậm nộp; không tính tiền chậm nộp và cưỡng chế thu tiền thuế nợ; kiểm tra thuế (sau đây gọi chung là nghiệp vụ quản lý thuế) và các nghiệp vụ khác có liên quan đến quản lý nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

3. Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các Thuế cơ sở trong thực hiện quy trình nghiệp vụ quản lý thuế và các nghiệp vụ khác có liên quan đến quản lý nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

4. Tổ chức thực hiện công tác lập dự toán, triển khai thực hiện dự toán thu ngân sách nước. Phân tích, đánh giá, dự báo thu ngân sách nhà nước, tham mưu cho Cục trưởng Cục Thuế, cấp ủy, chính quyền địa phương về lập dự toán thu ngân sách nhà nước, về công tác quản lý thuế trên địa bàn; triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo nguồn thu, chống thất thu ngân sách nhà nước.

5. Hướng dẫn, giải thích chính sách thuế, chính sách quản lý thuế; tổ chức hỗ trợ người nộp thuế thực hiện các thủ tục hành chính về thuế và thực hiện các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật; tổng hợp khó khăn, vướng mắc của người nộp thuế và kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật.

6. Tổ chức thực hiện các quy trình, nghiệp vụ về công tác phân tích, dự báo, lập, thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước; công tác thống kê, kế toán, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước và báo cáo tài chính nhà nước đối với nguồn thu được phân công quản lý theo quy định; xây dựng, tổng hợp báo cáo tình hình thu và quản lý thu theo chế độ quy định.

7. Được yêu cầu người nộp thuế, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho việc quản lý thuế; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các tổ chức, cá nhân không thực hiện trách nhiệm trong việc phối hợp với cơ quan thuế để thu thuế vào ngân sách nhà nước.

8. Được ấn định thuế, thực hiện các biện pháp quản lý nợ thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế theo quy định của pháp luật; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với người nộp thuế vi phạm pháp luật về thuế.

9. Bồi thường thiệt hại cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật; quản lý, bí mật thông tin của người nộp thuế; xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế, cung cấp thông tin của người nộp thuế khi có đề nghị theo quy định của pháp luật.

10. Giám định để xác định số thuế phải nộp của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

11. Thực hiện công tác xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định của pháp luật.

12. Trực tiếp thực hiện kiểm tra thuế theo kế hoạch và chuyên đề, đột xuất trong phạm vi quản lý.

13. Giải quyết khiếu nại về thuế của người nộp thuế thuộc địa bàn quản lý, giải quyết tố cáo về hành vi trốn thuế, gian lận thuế của người nộp thuế theo quy định của pháp luật.

14. Hướng dẫn, chỉ đạo việc triển khai, thực hiện công tác kiểm tra chuyên ngành thuế, ấn định thuế theo phân công.

15. Chỉ đạo, hướng dẫn, giải quyết tố cáo về hành vi trốn thuế, gian lận thuế của người nộp thuế theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

16. Tổ chức thực hiện các biện pháp nghiệp vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong hoạt động quản lý thuế.

17. Quản lý, bảo mật thông tin của người nộp thuế; Xử lý, cập nhật thông tin cơ sở dữ liệu về thuế, hóa đơn điện tử và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan; Tiếp nhận, cài đặt và hỗ trợ sử dụng các phần mềm ứng dụng, trang thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa công tác quản lý thuế, quản lý nội ngành thuộc phạm vi quản lý.

18. Quản lý, sử dụng công chức, người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Tài chính và Cục Thuế.

19. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, ấn chỉ và các dự án đầu tư phát triển được giao theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của cơ quan có thẩm quyền; Thực hiện cơ chế quản lý tài chính theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

20. Hướng dẫn, chỉ đạo, thực hiện và kiểm tra, giám sát các đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong việc tổ chức triển khai công tác kiểm tra nội bộ; giải quyết khiếu nại; giải quyết tố cáo, kiến nghị, phản ánh; phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm trong thực thi công vụ của các tổ chức, đơn vị và cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

21. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Thuế tỉnh, thành phố được tổ chức các đơn vị sau:

a) Các phòng tham mưu thuộc Thuế tỉnh, thành phố:

- Văn phòng;

- Phòng Tổ chức cán bộ;

- Phòng Nghiệp vụ, dự toán, pháp chế;
- Phòng Thuế cá nhân, hộ kinh doanh và thu khác;
- Phòng Quản trị dữ liệu và quản lý rủi ro;
- Phòng Quản lý các khoản thu từ đất (nếu có);
- Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp;
- Phòng Kiểm tra.

b) Thuế cơ sở.

Thuế cơ sở có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được cấp mã cơ quan quản lý thu và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Số lượng phòng tham mưu, Thuế cơ sở của từng Thuế tỉnh, thành phố được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Biên chế công chức của Thuế tỉnh, thành phố do Cục trưởng Cục Thuế quyết định trong tổng biên chế được giao.

Điều 4. Lãnh đạo Thuế tỉnh, thành phố

1. Thuế tỉnh, thành phố có Trưởng Thuế tỉnh, thành phố và một số Phó Trưởng Thuế tỉnh, thành phố.

2. Trưởng Thuế tỉnh, thành phố là người đứng đầu Thuế tỉnh, thành phố, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thuế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Thuế tỉnh, thành phố; các Phó Trưởng Thuế tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm trước Trưởng Thuế tỉnh, thành phố và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

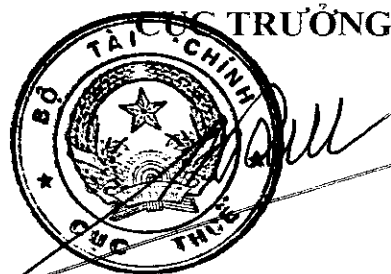
Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025, thay thế Quyết định số 110/QĐ-CT ngày 05/3/2025 của Cục trưởng Cục Thuế quy định các Phòng tham mưu; Phòng Quản lý hỗ trợ doanh nghiệp; Phòng Thanh tra, kiểm tra thuộc Chi cục Thuế khu vực.

2. Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Cục Thuế, Trưởng Thuế tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Cục Thuế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Vụ TCCB, BTC;
- Trang TTĐT Cục Thuế;
- Thuế tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, TCCB (b).



Mai Xuân Thành



SỐ LƯỢNG PHÒNG THAM MƯU, THUẾ CƠ SỞ THUỘC THUẾ TỈNH, THÀNH PHỐ
(Kể theo Quyết định số 1376/QĐ-CT ngày 30/6/2025 của Cục trưởng Cục Thuế)

STT	Thuế tỉnh, thành phố	Số lượng phòng tham mưu				Số lượng Thuế cơ sở
		Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp	Phòng Kiểm tra	Các phòng tham mưu khác	Tổng số phòng	
	Tổng số	90	78	172	340	350
1	An Giang	2	2	5	9	11
2	Bắc Ninh	3	2	5	10	10
3	Cà Mau	2	2	5	9	8
4	Cao Bằng	1	1	5	7	4
5	Cần Thơ	4	3	5	12	13
6	Đà Nẵng	3	3	5	11	10
7	Đắk Lắk	3	2	5	10	11
8	Điện Biên	1	1	5	7	5
9	Đồng Nai	4	3	5	12	10
10	Đồng Tháp	2	2	5	9	9
11	Gia Lai	2	2	5	9	11
12	Hà Nội	5	5	6	16	25
13	Hà Tĩnh	2	2	5	9	6
14	Hải Phòng	6	4	5	15	14
15	Huế	1	1	5	7	5
16	Hưng Yên	3	3	5	11	9
17	Khánh Hòa	3	2	5	10	8
18	Lai Châu	1	1	5	7	4
19	Lạng Sơn	1	1	5	7	5
20	Lào Cai	2	2	5	9	9

m

STT	Thuế tỉnh, thành phố	Số lượng phòng tham mưu				Số lượng Thuế cơ sở
		Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp	Phòng Kiểm tra	Các phòng tham mưu khác	Tổng số phòng	
21	Lâm Đồng	3	3	5	11	13
22	Ninh Bình	3	3	5	11	12
23	Nghệ An	2	2	5	9	9
24	Phú Thọ	4	3	5	12	16
25	Quảng Ninh	2	1	5	8	7
26	Quảng Ngãi	2	2	5	9	11
27	Quảng Trị	2	2	5	9	10
28	Sơn La	1	1	5	7	5
29	Tây Ninh	3	2	5	10	10
30	Tuyên Quang	2	2	5	9	8
31	Thái Nguyên	2	2	5	9	8
32	Thanh Hóa	2	1	5	8	13
33	Thành phố Hồ Chí Minh	8	8	6	22	29
34	Vĩnh Long	3	2	5	10	12

./.